

UBND TỈNH CÀ MAU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng 5 năm 2026

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CỦA CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU VỚI QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 14/2021/NQ-HĐND NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CỦA CÁC CUỘC ĐIỀU TRA THỐNG KÊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế

Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND	Dự thảo Nghị quyết thay thế	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Đối với các cuộc điều tra thống kê bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn sự nghiệp môi trường, nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ đang thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng; các cuộc điều tra thống kê sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này (trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi của các cuộc điều tra thống kê do ngân sách địa phương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Cà Mau. 2. Các cuộc điều tra thống kê bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, nguồn vốn sự nghiệp môi trường đang thực hiện theo các văn bản hướng dẫn riêng; các cuộc điều tra thống kê sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này (trừ trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về mức chi thì áp dụng theo mức chi quy định tại Nghị quyết này).	Kế thừa nội dung và có điều chỉnh loại bỏ cụm từ “<i>nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ</i>” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 1 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng Các cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan đến cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Các cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan đến cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Theo quy định tại khoản 2, Điều 1 Thông tư số 109/2016/TT-BTC
Điều 3. Nội dung chi, mức chi 1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức Điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu Điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê theo phương thức khoán a) Chi xây dựng phương án Điều tra thống kê và lập mẫu phiếu Điều tra thống kê: 30.000.000 đồng; b) Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả Điều tra thống kê (nếu có): 10.000.000 đồng. Tùy theo quy mô, tính chất của cuộc điều tra thống kê, Thủ trưởng cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức khoán cụ thể đối với mỗi hoạt động nêu trên cho phù hợp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao khoán quyết định nội dung và mức chi trong phạm vi kinh phí được giao khoán để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.	Điều 3. Nội dung chi, mức chi 1. Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án Điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán: Thực hiện theo khoản 1, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.	Kế thừa nội dung; điều chỉnh, bổ sung văn bản dẫn chiếu hướng dẫn mức chi của Trung ương.
2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền áp dụng theo quy định của Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.	2. Chi xây dựng sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối	Kế thừa nội dung; điều chỉnh cụm từ “áp dụng” thành “<i>Nội dung và mức chi thực hiện</i>” một số cụm từ: từ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số

	với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp	109/2016/TT-BTC
3. Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước.	3. Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo khoản 3, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.	Kế thừa nội dung; điều chỉnh, bổ sung văn bản dẫn chiếu hướng dẫn mức chi của Trung ương.
4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp; chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 22/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và chế độ chi tiếp khách trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	4. Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra thống kê các cấp; chi công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Kế thừa nội dung; điều chỉnh văn bản dẫn chiếu của địa phương.
5. Chi tiền công a) Tiền công thuê ngoài Các nội dung chi thuê ngoài: Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra thống kê theo quy định của phương án điều tra thống kê), thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kiem dân đường, thuê người dẫn đường không phải phiên dịch. Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công	5. Chi tiền công a) Tiền công thuê ngoài: Nội dung và mức chi thực hiện theo điểm a, khoản 5, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC. b) Trường hợp công chức cấp xã được giao nhiệm vụ tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện	Kế thừa nội dung, điều chỉnh, bổ sung văn bản dẫn chiếu hướng dẫn mức chi của Trung ương. Đồng thời, điều chỉnh cụm từ “công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã, phường” thành cụm từ “công chức cấp xã được giao nhiệm vụ” cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương sau sáp nhập.

việc thuê ngoài được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành điều tra thống kê. Riêng đối với tiền công của người dẫn đường không phải phiên dịch: Mức chi bằng 70% mức tiền công thuê người phiên dịch kiêm dẫn đường. b) Trường hợp công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê được chi hỗ trợ bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. c) Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê thì được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. d) Trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính, thì được thanh toán bằng mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.	điều tra thống kê thì được thanh toán bằng 50% mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. d) Trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính, thì được thanh toán bằng mức tiền công thuê điều tra viên thống kê quy định tại điểm a khoản 5 Điều này và không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí.	
6. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin a) Đối với cá nhân Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 40.000 đồng/phiếu; trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 50.000 đồng/phiếu; trên 40 chỉ tiêu: 60.000 đồng/phiếu. b) Đối với tổ chức (không bao gồm các cơ quan,	6. Chi cho đối tượng cung cấp thông tin: Mức chi thực hiện theo khoản 7, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.	Kế thừa nội dung; điều chỉnh văn bản dẫn chiếu mức chi của Trung ương.

đơn vị của Nhà nước thực hiện cung cấp thông tin theo quy định) Từ 30 chỉ tiêu trở xuống: 85.000 đồng/phiếu; trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu: 100.000 đồng/phiếu; trên 40 chỉ tiêu: 115.000 đồng/phiếu. c) Căn cứ vào hình thức cung cấp thông tin, cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp. Trường hợp đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của Nhà nước mức chi hỗ trợ cung cấp thông tin bằng 50% mức chi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.		
7. Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa: Thanh toán theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé, hóa đơn và hợp đồng vận chuyển. Trường hợp vận chuyển ở địa bàn không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị điều tra thống kê xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện vận chuyển trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện theo mức giá thuê trung bình thực tế ở địa phương trong phạm vi dự toán được giao hoặc thanh toán tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng.	7. Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực địa: Thanh toán theo khoản 8, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.	Kế thừa nội dung, điều chỉnh văn bản dẫn chiếu mức chi của Trung ương.
8. Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016	8. Chi xử lý kết quả điều tra thống kê: Thực hiện theo Điều 1 Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài	Theo quy định tại khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, khoản 13, Điều

của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.	chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia. 9. Chi biên soạn ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có): Thực hiện theo khoản 10, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC. 10. Chi công bố kết quả điều tra thống kê: Thực hiện theo khoản 11, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC; nội dung và mức chi tổ chức hội nghị để công bố kết quả Điều tra thống kê thực hiện theo chế độ chi tổ chức hội nghị quy định tại Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND. 11. Các khoản chi khác liên quan đến cuộc điều tra thống kê, bao gồm: a) Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe và các khoản chi phí khác để thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác điều tra thống kê: Mức chi thực hiện theo điểm a, khoản 12, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC. b) Phiên dịch (nếu có), biên dịch tài liệu nước ngoài phục vụ điều tra thống kê: Mức chi thực hiện theo quy định về chi phiên dịch, biên dịch tại Nghị quyết 02/2026/NQ-HĐND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.	3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.
---	--	---

	c) Làm ngoài giờ: Thực hiện theo điểm c, khoản 12, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC. 12. Chi điều tra thử để hoàn thiện phương án, phương pháp, chỉ tiêu, định mức công, mẫu phiếu điều tra thống kê: Thực hiện theo khoản 13, Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.	
Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. 2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện 1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và bố trí trong dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức điều tra thống kê. 2. Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	Kế thừa nội dung và bổ sung thêm nội dung “và bố trí trong dự toán chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức điều tra thống kê” tại khoản 1, Điều 4 dự thảo Nghị quyết.
	Điều 5. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực. 3. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc quy định nội dung chi và mức chi thực hiện của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu. 4. Trường hợp các văn bản áp dụng viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, bãi	Bảo đảm thống nhất hệ thống pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính.

	bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế.	
Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.	Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.	Kế thừa nội dung.